

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-PT

Ngày: 26 - 5 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Nguyệt**

Các Thẩm phán:

Ông Dư Thành Trung

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà
Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm
2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Tòa án
nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 98/2022/QĐ-PT ngày
09/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số H thôn K, xã K, huyện Đ, Lâm Đồng

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Văn Q**, sinh năm: 1955. Địa chỉ: Thôn
Đ, xã N, huyện Đ. Theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2021

2. Đồng bị đơn:

Bà **K’ D** (tên gọi khác: Mẹ L), sinh năm: 1968

Bà **K’ Đ**, sinh năm: 1970

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Ông **Ka S**, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện Đ, Lâm Đồng

Người kháng cáo: Bà K' D, bà K' Đ – Bị đơn

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 20/10/2017, bà C có cho bà K'D và bà K'Đ vay số tiền là 650.000.000đồng. Thời hạn vay tiền là ba mươi ngày trả. Mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng. Tại thời điểm giao dịch bà C không có mặt nên bà C đã giao cho ông Ka S đưa tiền mặt và ký giấy tờ mượn tiền, khi vay các bên có viết giấy mượn tiền và ông Ka S nói lại với bà C đã giao cho bà K'D số tiền là 300.000.000đồng và bà K'Đ số tiền là 350.000.000đồng. Khi vay bà K'D, bà K'Đ có cầm cố 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà K'Đ, diện tích đất tọa lạc tại tổ dân phố Đa Huynh, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà. Lãi suất các bên thỏa thuận là 10%/năm nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Sau đó bà K'Đ đã trả nhiều lần trong bốn năm được cho bà C số tiền lãi là 60.000.000đồng. Tiền gốc vẫn chưa trả cho bà C.

Nay, bà C khởi kiện yêu cầu bà K'D phải trả 300.000.000đồng tiền gốc và 120.000.000đồng tiền lãi tính từ thời điểm vay 20/10/2017 đến ngày 20/10/2021 với mức lãi suất là 10%/năm; Yêu cầu bà K'Đ phải trả 350.000.000đồng tiền gốc và 140.000.000đồng tiền lãi tính từ thời điểm vay 20/10/2017 đến ngày 20/10/2021 với mức lãi suất là 10%/năm. Bà C đồng ý căn trừ số tiền 60.000.000đồng bà K'Đ đã trả cho bà C vào số tiền lãi nên số tiền bà C yêu cầu bà K'Đ phải trả là 350.000.000đồng tiền gốc và 80.000.000đồng tiền lãi, tiền lãi tính từ thời điểm vay 20/10/2017 đến ngày 20/10/2021 với mức lãi suất là 10%/năm.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K'Đ thì bà C đồng ý trả cho bà K'Đ khi các bên hoàn tất việc thanh toán.

Ngoài ra, bà C không còn yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai, đồng bị đơn bà K'Đ trình bày: Vào ngày 20/10/2017, bà và bà K'D có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 600.000.000đ, trong đó bà vay 300.000.000đ còn bà K'D vay 300.000.000đ, lãi suất vay là 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Khi vay các bên có viết giấy mượn tiền. Thời hạn vay là 30 ngày. Tuy nhiên khi viết giấy mượn tiền thì các bên thống nhất là cộng thêm số tiền 50.000.000đ là tiền lãi trong một tháng vay của số tiền gốc là

600.000.000đ thành tổng số tiền vay là 650.000.000đ nhưng thực tế chỉ nhận 600.000.000đ của bà C và bà cùng bà K'D đã ký vào giấy mượn tiền. Chữ ký trong giấy mượn tiền do bà Nguyễn Thị C xuất trình đúng là chữ ký của bà và bà K'D. Sau khi vay thì bà có trả cho bà Nguyễn Thị C được nhiều lần tiền lãi với tổng số tiền là 105.000.000đ, khi trả tiền lãi thì bà trả cho ông Ka S. Khi trả tiền thì có ghi vào cuốn sổ do ông Ka S giữ, bà không giữ giấy tờ gì về việc trả tiền cho bà C. Số tiền còn lại thì bà chưa trả được cho bà C. Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà trả cho bà C số tiền gốc là 350.000.000đ và số tiền lãi từ ngày 20/10/2017 đến nay với mức lãi suất 10%/năm thì bà chỉ đồng ý trả bà C số tiền gốc là 300.000.000đ và số tiền lãi 10%/năm trên số tiền gốc là 300.000.000đ nhưng bà đề nghị trừ đi số tiền lãi bà đã trả là 105.000.000đ, còn lại bà sẽ nhận trả nốt. Bà yêu cầu bà C phải trả lại cho bà 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên K'D do bà C đang giữ. Ngoài ra bà K'D không yêu cầu gì thêm.

Đồng bị đơn bà K'D trình bày: Vào ngày 20/10/2017, bà và bà K'D có vay của bà Nguyễn Thị C 600.000.000đ, trong đó bà vay 300.000.000đ còn bà K'D vay 300.000.000đ, lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Khi vay các bên có viết giấy mượn tiền. Thời hạn vay là 30 ngày. Tuy nhiên khi viết giấy mượn tiền thì các bên thống nhất là cộng thêm số tiền 50.000.000đ là tiền lãi trong một tháng vay của số tiền gốc là 600.000.000đ thành tổng số tiền vay là 650.000.000đ, trong đó bà là 325.000.000đ và bà K'D là 325.000.000đ, bà cùng bà K'D đã ký vào giấy mượn tiền. Chữ ký trong giấy mượn tiền do bà Nguyễn Thị C xuất trình đúng là chữ ký của bà và bà K'D. Sau khi vay của bà C số tiền 300.000.000đ nêu trên thì bà lấy toàn bộ 300.000.000đ vay được của bà C cho bà K'Huyền, sinh năm 1981, địa chỉ: tổ dân phố Đa Huynh, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vay lại, với lãi suất vay đúng với lãi suất vay bà đã vay của bà Nguyễn Thị C. Sau khi vay của bà thì bà K'Huyền không trả tiền cho bà nên bà không có tiền để trả cho bà Nguyễn Thị C. Do vậy, đến nay bà vẫn chưa trả cho bà C được số tiền nào. Nay bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà trả cho bà C số tiền gốc là 300.000.000đ và số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 20/10/2017 đến nay thì bà không đồng ý trả, bà đề nghị Tòa án xem xét buộc bà K'Huyền phải trả toàn bộ số nợ gốc 300.000.000đ và số nợ lãi 10%/năm từ ngày 20/10/2017 đến nay cho bà Nguyễn Thị C vì số tiền bà vay bà C thì bà đã cho bà K'Huyền vay lại toàn bộ và đến nay bà K'Huyền chưa trả cho bà. Ngoài ra bà K'D không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ka S trình bày: Ông là người trực tiếp giao tiền cho bà K'D và bà K'D, ông giao cho bà K'D, bà K'D tổng số tiền là 650.000.000đ và bà K'D, bà K'D đã viết vào giấy vay tiền. Sau khi viết giấy vay tiền và giao tiền xong ông đã đưa bản chính giấy mượn tiền và bản

chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C. Mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 03 ngày nhưng sau đó bà K'D và bà K'D không trả được nên hẹn sẽ trả sau. Bà K'D có trả cho ông số tiền lãi là 60.000.000đ chứ không phải như bà K'D khai. Đối với giấy trả tiền thì ông không giữ mà ông đã giao lại cho bà K'D và bà K'D đã xé bỏ. Ngoài ra ông Ka S không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không có mặt đầy đủ nên không tiến hành hòa giải được.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà K'D, bà K'D.

Buộc bà K'D phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 325.000.000đ, nợ lãi là 112.548.000đ, cộng chung là 437.548.000đ.

Buộc bà K'D phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 300.000.000đ, nợ lãi là 101.583.000đ, cộng chung là 401.583.000đ.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải giao trả cho bà K'D 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 220692 do UBND huyện Lâm Hà cấp ngày 23/11/2000 đứng tên Hộ ông (bà): K' Đ đối với thửa đất số 715, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15/3/2022 bà K' D kháng cáo với nội dung: Sau khi vay tiền từ bà C thì bà đã cho bà K' Huyền vay lại toàn bộ số tiền trên. Đề nghị Tòa án tuyên buộc bà K' Huyền phải có trách nhiệm trả tiền cho bà C thay bà và căn trừ số tiền lãi bà đã trả cho bà C 30.000.000đ

Ngày 15/3/2022 bà K' Đ kháng cáo với nội dung: Bà đồng ý thanh toán số nợ gốc và lãi còn lại. Tuy nhiên, bà đã trả được số tiền lãi là 105.000.000đ cho bà C nên đề nghị căn trừ số tiền này

Tại phiên tòa hôm nay: bà K' D và K' Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông Q không đồng ý với kháng cáo của các bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà K' D và K' Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án

sơ thẩm, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 25.000.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà Nguyễn Thị C có cho bà K'D, bà K'D vay tiền, các bên có xác lập giấy mượn tiền ghi ngày 20/10/2017. Quá trình vay, bà K'D, bà K'D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà K' D và bà K' Đ. HĐXX xét thấy

Theo giấy mượn tiền ngày 20/10/2017 bà K'D, bà K'D có ký vay của bà C tổng số tiền là 650.000.000đ. Khi vay thì bà K'D có đưa cho bà C 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 220692 do UBND huyện Lâm Hà cấp ngày 23/11/2000 đứng tên Hộ ông (bà): K' Đ đối với thửa đất số 715, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng để làm tin. Theo bà K'D, bà K'D thì hai bà chỉ nhận của bà C số tiền là 600.000.000đ, còn 50.000.000đ là tiền trả lãi, cộng tổng là 650.000.000đ, chứ không phải tiền vay gốc là 650.000.000đ. Tuy nhiên, bà K'D, bà K'D lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên cần căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 20/10/2017 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trong số tiền 650.000.000đ thì bà C cho rằng bà K'D vay 350.000.000đ, còn bà K'D vay 300.000.000đ. Tuy nhiên bà C không cung cấp được chứng cứ cụ thể để chứng minh bà K'D nhận số tiền 350.000.000đ, bà K'D nhận số tiền 300.000.000đ. Trong khi đó, tại phiên tòa sơ thẩm bà K'D thừa nhận mỗi người vay 325.000.000đ. Do vậy, không có căn cứ để xác định bà K'D vay của bà C số tiền gốc là 350.000.000đ như bà C khai mà cần xác định bà K'D chỉ vay của bà C số tiền 325.000.000đ. Đối với bà K'D thì bà C cho rằng bà K'D chỉ vay của bà C số tiền gốc là 300.000.000đ và chỉ yêu cầu bà K'D trả 300.000.000đ, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và không trái quy định pháp luật nên chỉ buộc bà K'D phải trả cho bà C số tiền gốc là 300.000.000đ là phù hợp.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà K'D cho rằng sau khi bà vay tiền của bà C thì đã cho bà K'Huyền vay lại, do bà K'Huyền chưa có tiền trả cho bà nên bà đề nghị Tòa án buộc bà K'Huyền phải trả cho bà C toàn bộ số nợ bà đã vay của

bà C. Yêu cầu này của bà K'D là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ việc vay tiền giữa bà K'D và bà K'Huyền là một giao dịch dân sự khác, không liên quan đến bà C. Bà K'D phải có trách nhiệm trả số nợ đã vay cho bà C, còn việc bà K'Huyền vay của bà K'D thì bà K'D có quyền khởi kiện bà K'Huyền thành một vụ kiện dân sự khác.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán và nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền chưa thanh toán nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi đối với số tiền trên là phù hợp. Cả bà K'D và bà K'Đ khai nhận lãi vay là 4000đ/1.000.000đ/ngày nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Còn nguyên đơn cho rằng khi vay các bên có tính lãi là 10%/năm. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu không vượt quá mức lãi suất cơ bản theo quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Đối với khoản vay của bà K'Đ: $325.000.000đ \times 4 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 19 \text{ ngày}$
(Tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm) $\times 10\%/năm = 142.548.000đ$

Đối với khoản vay của bà K'D: $300.000.000đ \times 4 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 19 \text{ ngày}$
(Tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm) $\times 10\%/năm = 131.583.000đ$

Đối trừ nghĩa vụ, ông Ka S và bà C chỉ thừa nhận bà K'Đ trả được 60.000.000đ tiền lãi, trong đó bà K'Đ trả 30.000.000đ, bà K'D trả 30.000.000đ nên cần xác định bà K'Đ, bà K'D đã trả cho bà C tổng số tiền lãi 60.000.000đ và cần trừ số tiền này vào số tiền lãi bà K'Đ, bà K'D phải trả cho bà C. Cụ thể:

- Bà K'Đ phải trả cho bà C 325.000.000đ nợ gốc và nợ lãi là 142.548.000đ trừ đi số nợ lãi đã trả là 30.000.000đ, còn lại tổng cả gốc và lãi phải trả là 437.548.000đ.

- Bà K'D phải trả cho bà C 300.000.000đ nợ gốc và nợ lãi là 131.583.000đ trừ đi số nợ lãi đã trả là 30.000.000đ, còn lại tổng cả gốc và lãi phải trả là 401.583.000đ

Đối với lời trình bày của bà K'Đ cho rằng trong quá trình vay bà đã trả cho bà C thông qua ông Ka S được 105.000.000đ nhưng bà K'Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong khi ông Ka S và bà C không thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận.

Bà C khởi kiện yêu cầu bà K'Đ phải trả số tiền 350.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà K'Đ trả số tiền 325.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát

sinh. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C là phù hợp, không cần thiết phải đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền 25.000.000 đồng nợ gốc theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà K' D và bà K' Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về việc *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”* với bị đơn bà K'Đ, bà K'D.

Buộc bà K'Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 325.000.000đ, nợ lãi là 112.548.000đ, cộng chung là 437.548.000đ (*Bốn trăm ba mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng*)

Buộc bà K'D phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 300.000.000đ, nợ lãi là 101.583.000đ, cộng chung là 401.583.000đ (*Bốn trăm lẻ một triệu năm trăm tám mươi ba ngàn đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải giao trả cho bà K'Đ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 220692 do UBND huyện Lâm Hà cấp ngày 23/11/2000 đứng tên Hộ ông (bà): K' Đ đối với thửa đất số 715, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng

2. Về án phí:

Buộc bà K'D phải chịu 21.502.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003036 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà K'D còn phải nộp số tiền 21.502.000đ (*Hai mươi một triệu năm trăm lẻ hai ngàn đồng*).

Buộc bà K'D phải chịu 20.063.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003037 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà K'D còn phải nộp số tiền 20.063.000đ (*Hai mươi triệu không trăm sáu mươi ba ngàn đồng*).

Bà Nguyễn Thị C phải chịu 1.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 19.650.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002570 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 18.400.000đ (*Mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng*) còn dư.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự (03);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt